

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUỐC TẾ HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 869/QĐ-ĐHHN ngày 12 tháng 4 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội)*

Hà Nội, tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo
ngành Quốc tế học, trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hà Nội ban hành theo Nghị quyết số 1456/NQ-HĐT ngày 04/8/2021 của Hội đồng trường - Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ Kế hoạch số 2384/KH-ĐHHN ngày 16/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội về việc chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2021-2022;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng nghiệm thu Nhiệm vụ rà soát, chỉnh sửa Chương trình đào tạo ngành Quốc tế học, trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy ngày 01/3/2022;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo ngành Quốc tế học (mã ngành: 7310601), trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy, áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Khoa Quốc tế học, Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục, Phòng Quản lý khoa học, Phòng Tài chính-Kế toán và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu VT, QLKH.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Trào

MỤC LỤC

1. Tên chương trình đào tạo	5
2. Tên gọi của văn bằng	5
3. Trình độ đào tạo	5
4. Ngành đào tạo.....	5
5. Mã ngành.....	5
6. Hình thức đào tạo	5
7. Mục tiêu đào tạo.....	5
7.1. Mục tiêu chung.....	5
7.2 Mục tiêu cụ thể.....	5
7.3. Vị trí việc làm sau khi hoàn thành CTĐT	6
8. Chuẩn đầu ra.....	6
8.1. Kiến thức	6
8.2. Kỹ năng	6
8.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm	7
MA TRẬN LIÊN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA VỚI MỤC TIÊU CỦA CTĐT	8
MA TRẬN LIÊN HỆ GIỮA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT	9
9. Khối lượng kiến thức toàn khóa	11
10. Đối tượng tuyển sinh	11
11. Thời gian đào tạo.....	11
12. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	11
12.1. Quy trình đào tạo.....	11
12.2. Điều kiện tốt nghiệp	11
13. Cách thức đánh giá	12
14. Cấu trúc chương trình dạy học	12
14.1. Kiến thức giáo dục đại cương	12
14.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	12
14.3. Thực tập.....	12
14.4. Khoá luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế	12

15. Nội dung chương trình (TT22).....	13
16. Hướng dẫn thực hiện chương trình	15
16.1. Kiến thức giáo dục đại cương	15
16.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	16
16.3. Thực tập, nghiên cứu thực địa và khóa luận tốt nghiệp	16
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN	17
KINH TẾ VI MÔ	17
KINH TẾ VĨ MÔ	23
LỊCH SỬ THẾ GIỚI.....	29
CHÍNH TRỊ HỌC SO SÁNH	35
GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA	43
NHÂN HỌC VĂN HÓA.....	52
TOÀN CẦU HÓA.....	59
XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG	66
CHÍNH SÁCH CÔNG ĐẠI CƯƠNG.....	72
NGHIÊN CỨU CHÂU ÂU	79
NGHIÊN CỨU CHÂU Á.....	85
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	91
KINH TẾ QUỐC TẾ.....	100
QUAN HỆ QUỐC TẾ.....	106
QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	112
KINH TẾ PHÁT TRIỂN.....	121
CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM	128
LUẬT QUỐC TẾ	135
QUẢN LÝ DỰ ÁN	142
PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI	149
CÁC HỌC THUYẾT CHÍNH TRỊ	156
CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI MỸ	163
DỰ ÁN THỰC ĐỊA.....	170

CHÍNH TRỊ VÀ PHÁT TRIỂN.....	177
KINH DOANH QUỐC TẾ	183
TÀI CHÍNH QUỐC TẾ	190
TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI DOANH NGHIỆP	196
GIAO TIẾP KINH DOANH.....	202
QUAN HỆ LAO ĐỘNG	208
TÀI CHÍNH CÔNG	215
QUẢN TRỊ CÔNG.....	221
GIỚI VÀ PHÁT TRIỂN	228
PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG.....	234
XÃ HỘI DÂN SỰ	241
NHÂN QUYỀN VÀ CHÍNH SÁCH QUỐC GIA.....	248
HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÝ	256
PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH CÔNG	262
CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN	269
THỰC TẬP	276
NGHIÊN CỨU THỰC ĐỊA.....	281
PHÂN TÍCH DỮ LIỆU.....	287
TRUYỀN THÔNG PHÁT TRIỂN	294
LÝ THUYẾT PHÁT TRIỂN	302

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 869/QĐ-ĐHHN ngày 12 tháng 4 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội)*

- 1. Tên chương trình đào tạo: Quốc tế học**
- 2. Tên gọi của văn bằng: Cử nhân ngành Quốc tế học – Tiếng Anh**
- 3. Trình độ đào tạo: Đại học**
- 4. Ngành đào tạo: Quốc tế học**
- 5. Mã ngành: 7310601**
- 6. Hình thức đào tạo: Chính quy**
- 7. Mục tiêu đào tạo:**

7.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo đại học hình thức chính quy ngành Quốc tế học của Trường Đại học Hà Nội đào tạo cử nhân Quốc tế học có kiến thức chuyên sâu về quan hệ quốc tế, kinh tế quốc tế, nghiên cứu phát triển và chính sách công; có năng lực nghề nghiệp chất lượng; có phẩm chất chính trị vững vàng. Cử nhân ngành Quốc tế học sử dụng thành thạo Tiếng Anh trong môi trường học tập và làm việc; có khả năng tự định hướng; có thái độ và đạo đức phù hợp để làm việc trong môi trường đa ngôn ngữ, đa văn hóa; có khả năng thích ứng cao với những thay đổi nhanh chóng của thời đại khoa học công nghệ và toàn cầu hóa.

7.2 Mục tiêu cụ thể:

Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Quốc tế học nhằm đào tạo người học hình thành các năng lực cụ thể như sau:

MT1. Có kiến thức cơ bản về tư tưởng, chính trị, pháp luật để thực hiện tốt trách nhiệm công dân đối với đất nước và xã hội;

MT2. Có kiến thức chuyên sâu về ngành Quốc tế học tập trung vào kinh tế quốc tế, quan hệ quốc tế, chính sách công và nghiên cứu phát triển;

MT3. Có kỹ năng nhận diện và phân tích vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn được đào tạo;

MT4. Sử dụng tiếng Anh đạt bậc 4 theo KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và tác nghiệp chuyên môn;

MT5. Phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu; kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, giao tiếp liên văn hóa, làm việc nhóm, lãnh đạo, quản lý và ảnh hưởng xã hội;

MT6. Phát triển phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng.

7.3. Vị trí việc làm sau khi hoàn thành CTĐT

Sau khi hoàn thành CTĐT trình độ đại học ngành Quốc tế học, người học có thể đảm nhận vị trí việc làm sau:

VT1. Công chức/viên chức/chuyên viên/nhân viên

- Công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước và sự nghiệp của Việt Nam;

- Chuyên viên, nhân viên làm việc trong các cơ quan phát triển, các tổ chức quốc tế, Đại sứ quán và các tổ chức phi chính phủ;

- Nhân viên kinh doanh, truyền thông, hành chính, đối ngoại trong các công ty tư nhân hoặc các công ty/tập đoàn đa quốc gia.

VT2. Điều phối viên/cán bộ chương trình

- Điều phối viên/cán bộ chương trình làm việc trong các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp xã hội và các tổ chức nghề nghiệp.

VT3. Nghiên cứu viên

Nghiên cứu viên làm việc tại các cơ sở đào tạo và nghiên cứu về khoa học xã hội và khoa học liên ngành.

8. Chuẩn đầu ra:

Hoàn thành chương trình đào tạo ngành Quốc tế học, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

8.1. Kiến thức

KT1. Vận dụng được kiến thức cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống và nghề nghiệp;

KT2. Vận dụng kiến thức lý luận và thực tiễn về lĩnh vực kinh tế quốc tế, quan hệ quốc tế, chính sách công và nghiên cứu phát triển vào các hoạt động chuyên môn liên quan;

KT3. Vận dụng kiến thức được đào tạo vào thực hiện, quản lý và điều hành các hoạt động chuyên môn.

8.2. Kỹ năng

KN1. Thực hành tư duy phản biện, phân tích và giải quyết vấn đề trong thực hiện công việc chuyên môn được đào tạo;

KN2. Nhận diện vấn đề, sự kiện, cách tiếp cận của Việt nam và thế giới trong lĩnh vực kinh tế, chính trị và phát triển;

KN3. Vận dụng linh hoạt các kiến thức chuyên ngành để xây dựng dự án, hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, quan hệ quốc tế, chính sách công và nghiên cứu phát triển;

KN4. Phân tích dữ liệu và giải thích các vấn đề, sự kiện kinh tế, chính trị, thể chế và phát triển theo cách tiếp cận liên ngành, đa ngành;

KN5. Thực hành quy tắc và đạo đức nghề nghiệp trong triển khai công việc chuyên môn;

KN6. Sử dụng CNTT theo chuẩn kỹ năng quy định tại TT 03/2014/TT-BTTTT trong học tập, nghiên cứu và tác nghiệp chuyên môn;

KN7. Sử dụng tiếng Anh ở bậc 4 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại TT 01/2014/TT-BGDĐT.

8.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

TCTN1: Thể hiện khả năng học tập suốt đời, năng lực tự định hướng và thích nghi môi trường làm việc đa ngôn ngữ, đa văn hóa;

TCTN2: Sẵn sàng đảm nhận và phối hợp thực hiện công việc với độ cam kết cao, trách nhiệm với bản thân, xã hội và môi trường.

MA TRẬN LIÊN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA VỚI MỤC TIÊU CỦA CTĐT

STT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể của CTĐT						Vị trí việc làm		
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	VT1	VT2	VT3
1	KT1. Vận dụng được kiến thức cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống và nghề nghiệp;	x						x	x	x
2	KT2. Vận dụng kiến thức lý luận và thực tiễn về lĩnh vực kinh tế quốc tế, quan hệ quốc tế, chính sách công và nghiên cứu phát triển vào các hoạt động chuyên môn liên quan;		x	x		x		x	x	x
3	KT3. Vận dụng kiến thức được đào tạo vào thực hiện, quản lý và điều hành các hoạt động chuyên môn.		x	x		x		x	x	x
4	KN1. Thực hành tư duy phản biện, phân tích và giải quyết vấn đề trong thực hiện công việc chuyên môn được đào tạo;		x	x		x		x	x	x
5	KN2. Nhận diện vấn đề, sự kiện, cách tiếp cận của Việt nam và thế giới trong lĩnh vực kinh tế, chính trị và phát triển;		x	x				x	x	x
6	KN3. Vận dụng linh hoạt các kiến thức chuyên ngành để xây dựng dự án, hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, quan hệ quốc tế, chính sách công và nghiên cứu phát triển.		x	x				x		x
7	KN4. Phân tích dữ liệu và giải thích các vấn đề, sự kiện kinh tế, chính trị, thể chế và phát triển theo cách tiếp cận liên ngành, đa ngành.		x	x				x	x	x
8	KN5. Thực hành quy tắc và đạo đức nghề nghiệp trong triển khai công việc chuyên môn;		x	x	x		x	x		x
9	KN6. Sử dụng CNTT theo chuẩn kỹ năng quy định tại TT 03/2014/TT-BTTTT trong học tập, nghiên cứu và tác nghiệp chuyên môn;		x			x		x	x	x
10	KN7. Sử dụng tiếng Anh ở bậc 4 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại TT 01/2014/TT-BGDĐT		x	x	x			x	x	x
11	TCTN1. Thể hiện khả năng học tập suốt đời, năng lực tự định hướng và thích nghi môi trường làm việc đa ngôn ngữ, đa văn hóa;					x		x	x	x
12	TCTN2. Sẵn sàng đảm nhận và phối hợp thực hiện công việc với độ cam kết cao, trách nhiệm với bản thân, xã hội và môi trường.	x					x	x	x	x

MA TRẬN LIÊN HỆ GIỮA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT

STT	Tên học phần	Kiến thức			Kỹ năng							TCT	
		1	2	3	1	2	3	4	5	6	7	1	2
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương												
1	Triết học Mác - Lê-nin	x							x			x	x
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê-nin	x							x			x	x
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x							x			x	x
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh)	x							x			x	x
5	Lịch sử Đảng CSVN	x							x			x	x
6	Pháp luật Đại cương	x							x			x	x
7	Ứng dụng công nghệ thông tin									x		x	x
8	Lược sử văn hóa Việt Nam		x									x	
9	Thực hành tiếng 1A2										x	x	
10	Thực hành tiếng 1B1										x	x	
11	Thực hành tiếng 1B2										x	x	
12	Giáo dục thể chất												x
13	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	x							x				x
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp												
2.1	Kiến thức cơ sở ngành												
14	Kinh tế vi mô		x			x	x						
15	Kinh tế vĩ mô		x			x	x						
16	Lịch sử thế giới		x			x	x						
17	Chính trị học so sánh		x	x		x	x						
18	Giao tiếp liên văn hoá		x			x	x					x	
19	Nhân học văn hóa		x			x	x						
20	Toàn cầu hóa		x			x	x						
21	Xã hội học đại cương		x			x							
22	Chính sách công đại cương		x			x	x						
23	Nghiên cứu Châu Âu		x	x		x	x						
24	Nghiên cứu Châu Á		x	x		x	x						
25	Phương pháp nghiên cứu		x	x	x	x	x	x	x			x	x
2.2	Kiến thức ngành												
26	Kinh tế quốc tế			x	x		x	x				x	x
27	Quan hệ quốc tế		x		x		x	x				x	x
28	Quản lý môi trường và biến đổi khí hậu		x	x	x	x	x	x	x			x	x
29	Kinh tế phát triển			x	x		x	x				x	x
30	Chính sách đối ngoại Việt Nam		x	x	x		x	x	x			x	x
31	Luật quốc tế		x		x		x	x				x	x
32	Quản lý dự án		x	x	x	x	x	x	x			x	x
33	Phân tích chính sách đối ngoại		x	x	x		x	x				x	x
34	Các học thuyết chính trị		x	x	x		x					x	x
35	Chính sách đối ngoại Mỹ		x	x	x		x					x	x
36	Dự án thực địa		x	x	x	x	x	x	x			x	x
37	Chính trị và phát triển		x	x	x	x						x	x
38	Kinh doanh quốc tế		x	x	x		x					x	x
39	Tài chính quốc tế		x	x	x		x					x	x
40	Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp		x	x	x	x							x

STT	Tên học phần	Kiến thức			Kỹ năng							TCT	
		1	2	3	1	2	3	4	5	6	7	1	2
41	Giao tiếp kinh doanh		x	x	x		x					x	x
42	Quan hệ lao động											x	x
43	Tài chính công			x	x		x					x	x
44	Quản trị công		x	x	x		x					x	x
45	Giới và phát triển		x	x	x	x	x	x				x	x
46	Phát triển cộng đồng		x	x	x	x	x					x	x
47	Xã hội dân sự		x		x		x	x				x	x
48	Nhân quyền và chính sách quốc gia		x	x	x	x	x	x				x	x
49	Hệ thống thông tin địa lý			x			x	x				x	x
50	Phân tích chính sách công		x	x	x		x					x	x
51	Chính sách phát triển		x	x	x	x	x					x	x
III	Thực tập/Khoá luận tốt nghiệp												
52	Thực tập				x							x	x
53	Khoá luận tốt nghiệp				x							x	x
Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp													
54	Nghiên cứu thực địa			x			x	x				x	x
55	Phân tích dữ liệu							x				x	
56	Truyền thông phát triển			x	x		x					x	x
57	Lý thuyết phát triển		x	x		x							x

9. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 147 tín chỉ

10. Đối tượng tuyển sinh:

Tuyển sinh trên phạm vi toàn quốc, theo quy định của Đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.

11. Thời gian đào tạo: 4 năm

12. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

12.1. Quy trình đào tạo

Chương trình được thiết kế trong thời gian 4 năm gồm 9 học kỳ chính. Thời gian giảng dạy của từng kỳ học được quy định trong Khung thời gian năm học. Tùy theo năng lực và kế hoạch học tập của cá nhân, người học có thể rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo theo đúng quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Hà Nội.

Đầu năm học, Nhà trường và Khoa thông báo Kế hoạch giảng dạy năm học. Trước mỗi kỳ học, Khoa sẽ thông báo cho người học kế hoạch học tập, lịch trình giảng dạy của từng học phần, hình thức dạy và học (trực tiếp hoặc trực tuyến), danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn, ĐCCT học phần và điều kiện để được đăng kí học cho từng học phần, thời gian và hình thức kiểm tra/đánh giá và thi hết học phần giúp người học chủ động đăng ký các học phần phù hợp với khả năng, nhu cầu và kế hoạch học tập của bản thân.

Thời gian tối đa hoàn thành CTĐT trình độ đại học hình thức chính quy ngành Quốc tế học gấp 2 lần thời gian đào tạo chuẩn quy định trong CTĐT. SV tích lũy đủ số TC trong CTĐT và đáp ứng được các yêu cầu về tốt nghiệp của Trường ĐHHN sẽ được xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cử nhân ngành Quốc tế học – Tiếng Anh. Hàng năm, Nhà trường có 2 đợt xét tốt nghiệp là tháng 6 và tháng 12.

12.2. Điều kiện tốt nghiệp

Người học được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Tích lũy đủ số học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;
- b) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 (theo thang điểm 4) trở lên và không có học phần nào có điểm dưới 1,5 (theo thang điểm 4);
- c) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;
- d) Kết quả rèn luyện toàn khóa đạt loại Trung bình trở lên;
- đ) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- e) Có thời gian học không quá 02 lần thời gian đào tạo chuẩn quy định trong CTĐT;
- f) Có trình độ ngôn ngữ tiếng Anh đạt bậc 4 theo KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam

hoặc tương đương;

g) Đáp ứng đủ các điều kiện khác trong Thông báo hằng năm về Kế hoạch tốt nghiệp của Trường.

13. Cách thức đánh giá:

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá theo từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ.
2. Điểm trung bình chung là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ hoặc năm học đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.
3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ tính từ đầu khóa học.
4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần mà sinh viên đã tích lũy được và được đánh giá theo thang điểm 4, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét.

14. Cấu trúc chương trình dạy học:

14.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 72 tín chỉ

14.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 65 tín chỉ

14.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 34 tín chỉ

-Bắt buộc: 31 tín chỉ

-Tự chọn: 03 tín chỉ

14.2.2. Kiến thức ngành: 31 tín chỉ

-Bắt buộc: 22 tín chỉ

-Tự chọn: 09 tín chỉ

14.3. Thực tập: 04 tín chỉ

14.4. Khoá luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế: 06 tín chỉ

15. Nội dung chương trình (TT22)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
1. Kiến thức giáo dục đại cương								
1	61PML1PML	Triết học Mác - Lê-nin	BB	3	45	0	105	
2	61PML1POE	Kinh tế chính trị Mác - Lê-nin	BB	2	30	0	70	
3	61PML2SCS	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BB	2	30	0	70	
4	61PML3HCM	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BB	2	30	0	70	
5	61PML2HVC	Lịch sử Đảng CSVN	BB	2	30	0	70	
6	61PML2GEL	Pháp luật đại cương	BB	2	30	0	70	
7	61FITT1CSK	Ứng dụng công nghệ thông tin	BB	3	15	60	75	
8	61VIP2BHC	Lược sử văn hóa Việt Nam	BB	3	45	0	105	
9	61ESP1A2	Thực hành tiếng A2	BB	14	60	300	340	
10	61ESP1B1	Thực hành tiếng B1	BB	14	60	300	340	
11	61ESP1B2	Thực hành tiếng B2	BB	14	60	300	340	
12	61PED1PED	Giáo dục thể chất	BB	3	0	90	60	
13	61PED1NDS	Giáo dục Quốc phòng*	BB	8				
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp								
2.1. Kiến thức cơ sở ngành								
14	61IFIS2MIC	Kinh tế vi mô	BB	3	30	30	90	
15	61IFIS2MAC	Kinh tế vĩ mô	BB	3	30	30	90	
16	61IFIS2WHI	Lịch sử thế giới	BB	3	30	30	90	
17	61IFIS2CPS	Chính trị học so sánh	BB	3	30	30	90	
18	61IFIS3INC	Giao tiếp liên văn hóa	BB	3	30	30	90	
19	61IFIS2CUA	Nhân học văn hóa	BB	3	30	30	90	
20	61IFIS2GLO	Toàn cầu hóa	BB	3	30	30	90	
21	61IFIS2GSO	Xã hội học đại cương	BB	3	30	30	90	
22	61IFIS2IPP	Chính sách công đại cương	BB	3	30	30	90	
23	61IFIS2EUS	Nghiên cứu châu Âu	TC	3	30	30	90	
24	61IFIS2AST	Nghiên cứu châu Á	TC	3	30	30	90	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
25	61FIS3RES	Phương pháp nghiên cứu	BB	4	30	60	110	
2.2. Kiến thức ngành								
26	61FIS3INE	Kinh tế quốc tế	BB	3	30	30	90	
27	61FIS3INR	Quan hệ quốc tế	BB	3	30	30	90	
28	61FIS3EMC	Quản lý môi trường và biến đổi khí hậu	BB	4	45	30	125	
29	61FIS3DEE	Kinh tế phát triển	BB	3	30	30	90	
30	61FIS4VFP	Chính sách đối ngoại Việt Nam	BB	3	30	30	90	
31	61FIS3INL	Luật quốc tế	BB	3	30	30	90	
32	61FIS4PRM	Quản lý dự án	BB	3	30	30	90	
33	61FIS3FPA	Phân tích chính sách đối ngoại	TC	3	30	30	90	
34	61FIS3POT	Các học thuyết chính trị	TC	3	30	30	90	
35	61FIS4AFP	Chính sách đối ngoại Mỹ	TC	3	30	30	90	
36	61FIS4FIP	Dự án thực địa	TC	3	30	30	90	
37	61FIS2POD	Chính trị và Phát triển	TC	3	30	30	90	
38	61FIS3INB	Kinh doanh quốc tế	TC	3	30	30	90	
39	61FIS3IFI	Tài chính quốc tế	TC	3	30	30	90	
40	61FIS4CSR	Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp	TC	3	30	30	90	
41	61FIS3BCO	Giao tiếp kinh doanh	TC	3	30	30	90	
42	61FIS4IRE	Quan hệ lao động	TC	3	30	30	90	
43	61FIS3PFI	Tài chính công	TC	3	30	30	90	
44	61FIS2PAD	Quản trị công	TC	3	30	30	90	
45	61FIS4GED	Giới và phát triển	TC	3	30	30	90	
46	61FIS3COD	Phát triển cộng đồng	TC	3	30	30	90	
47	61FIS2CSO	Xã hội dân sự	TC	3	30	30	90	
48	61FIS3HNP	Nhân quyền và chính sách quốc gia	TC	3	30	30	90	
49	61FIS2GIS	Hệ thống thông tin địa	TC	3	30	30	90	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		lý						
50	61FIS3PPA	Phân tích chính sách công	TC	3	30	30	90	
51	61FIS4DEP	Chính sách phát triển	TC	3	30	30	90	
3. Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp								
52	61FIS4INT	Thực tập	BB	4	15	150	35	
53	61FIS4GRP	Khóa luận tốt nghiệp	TC	6	15	250	35	
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp								
54	61FIS4FIR	Nghiên cứu thực địa	TC	6	30	200	70	
55	61FIS4DAN	Phân tích dữ liệu	TC	3	30	30	90	
56	61DES3DEC	Truyền thông phát triển	TC	3	30	30	90	
57	61FIS2DET	Lý thuyết phát triển	TC	3	30	30	90	

16. Hướng dẫn thực hiện chương trình

CTĐT ngành Quốc tế học được thiết kế theo tín chỉ phù hợp với việc đổi mới phương pháp giảng dạy, lấy người học làm trung tâm, phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập, là cơ sở để xây dựng đề cương học phần, phương pháp dạy học và qui trình kiểm tra đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ. Thời gian giảng dạy trực tiếp chiếm 70,84% tổng khối lượng của CTĐT; thời gian giảng dạy trực tuyến chiếm 29,16% tổng khối lượng của CTĐT. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành hoặc thảo luận; 45-90 giờ thực tập; 60 tiết làm tiểu luận hoặc khóa luận tốt nghiệp. Mỗi tiết học tín chỉ có thời lượng 50 phút.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, để tiếp thu được 01 tín chỉ lý thuyết, SV phải dành ít nhất 30 giờ để tự học; để tiếp thu được 01 tín chỉ thực hành, SV phải dành ít nhất 15 giờ để chuẩn bị và tự học.

Chương trình được thiết kế bao gồm 147 tín chỉ, chia làm 03 khối kiến thức.

16.1. Kiến thức giáo dục đại cương gồm 72 tín chỉ bắt buộc được giảng dạy chung trong toàn Trường dưới hình thức lớp học phần.

Các học phần Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác- Lê nin, Lịch sử Đảng CSVN, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chủ nghĩa XHKH, Pháp luật đại cương do Khoa Giáo dục chính trị phụ trách giảng dạy; Học phần Ứng dụng công nghệ thông tin do Bộ môn Tin học cơ sở, Khoa Công nghệ thông tin phụ trách giảng dạy; Học phần Lược sử văn hoá Việt Nam do Bộ môn Ngữ văn Việt Nam giảng dạy.

Các học phần Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng-An ninh là các học phần điều

kiện, sẽ không tính vào điểm trung bình chung tích lũy của sinh viên nhưng sinh viên phải học và thi đạt yêu cầu mới được cấp Bằng tốt nghiệp. Các học phần này được tổ chức giảng dạy chung trong toàn trường, do Bộ môn Giáo dục Thể chất và Quốc phòng phụ trách.

Các học phần tiếng Anh chuyên ngành do Khoa tiếng Anh chuyên ngành phụ trách giảng dạy.

16.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp chia thành 02 phần: Kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành.

Kiến thức cơ sở ngành gồm 10 học phần bắt buộc và 01 học phần tự chọn được tổ chức giảng dạy chung cho sinh viên các ngành Quốc tế học và Nghiên cứu Phát triển dưới hình thức lớp học phần.

Kiến thức ngành gồm 07 học phần bắt buộc và 03 học phần tự chọn của ngành đào tạo, do Khoa Quốc tế học phụ trách giảng dạy.

16.3. Thực tập, nghiên cứu thực địa và khóa luận tốt nghiệp (sinh viên tham gia thực tập và lựa chọn một trong ba hình thức (khóa luận tốt nghiệp/nghiên cứu thực địa/02 học phần thay thế) theo tiêu chí và yêu cầu của Trường Đại học Hà Nội và Khoa Quốc tế học):10 tín chỉ.

Sinh viên phải hoàn thành 75% tổng số tín chỉ trong CTĐT mới đủ điều kiện đăng ký thực tập/nghiên cứu thực địa/làm khóa luận tốt nghiệp. Chương trình thực tập được Khoa Quốc tế học thiết kế với nội dung thực tập bao gồm các hoạt động liên quan đến ngành đào tạo trong các lĩnh vực khác nhau tại các cơ sở thực tập.

Đối với khóa luận tốt nghiệp, sinh viên có điểm TBC học tập đến hết học kỳ 7 $\geq 3,0$; có điểm trung bình cộng của các học phần chuyên ngành $\geq 3,0$; có đề tài khóa luận tốt nghiệp liên quan đến các học phần trong CTĐT và được Khoa duyệt, đủ điều kiện đăng ký làm Khóa luận tốt nghiệp. Quy định chi tiết về làm KLTN được thực hiện theo Thông báo hàng năm về Kế hoạch tốt nghiệp cho sinh viên hệ chính quy của Hiệu trưởng Nhà trường. Sinh viên sẽ thực hiện dưới sự hướng dẫn của các giảng viên về các vấn đề thiết thực liên quan đến chuyên ngành đào tạo và công việc tương lai của mình.

Đối với sinh viên lựa chọn làm nghiên cứu thực địa hoặc học phần thay thế, thực hiện theo thông báo và hướng dẫn hàng năm của Khoa.